TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 08 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/8/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu:

1. Anh Phạm Quốc N, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số nhà 05, ngách 61/52 phố T, phường K, quận X, thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số nhà 15, ngõ 23 C, tổ 8, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận X, thành phố Hà Nội ngày 22/8/2007. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị thay đổi tính cách và bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là bất đồng quan điểm trong việc quản lý, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dậy con chung. Vì vậy, anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị cũng không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, cải thiện tình

cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 6 năm 2022 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh N và chị N1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung đã chấm dứt nên anh chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu của anh N và chị N1 là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N có ba con chung là Phạm Hà D, sinh ngày 17/01/2008; Phạm Quốc T, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thành N, sinh ngày 21/9/2019. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (03 con là 3.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 9/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh N và chị N1 về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các con nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N chấp nhận nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2007 do UBND phường T, quận X, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/8/2007 không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là Phạm Hà D, sinh ngày 17/01/2008; Phạm Quốc T, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thành N, sinh ngày 21/9/2019. Anh Phạm Quốc N có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (03 con là 3.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 9/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi

Anh Phạm Quốc N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N

có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Chuyển số tiền 150.000 đồng anh N và chị N1 đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001574 và 0001575 đều đề ngày 31/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường T, quận X, thành phố Hà (Số 146, quyển số 01/2007, ngày 22/8/2007);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh Nga